

ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM

HOÀNG THỊ THƠ^{*}

*P*hật giáo là một trong ba tôn giáo truyền thống chính ở Việt Nam: Nho giáo, Phật giáo, và Đạo giáo. Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên và đã từng phát triển rực rỡ ở vị trí quốc giáo trong triều đại Lý - Trần. Phật giáo đã trở thành một yếu tố không thể bỏ qua khi nhận định về các vấn đề lịch sử, tư tưởng, văn hoá, văn minh, đạo đức... của dân tộc Việt Nam.

Vai trò của Phật giáo, đặc biệt là đạo đức Phật giáo có tác động tới sự hình thành nhân cách con người Việt Nam khá đậm nét. Song Phật giáo là một tôn giáo *xuất thế* nên những ưu trội và hạn chế của đạo đức Phật giáo cũng khác hẳn với các hệ tư tưởng đạo đức khác. Việc đánh giá đạo đức Phật giáo sẽ là một cơ sở để nhận định vai trò của Phật giáo trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay một cách cụ thể hơn và thực tế hơn.

Phật giáo vốn là một tôn giáo xuất thế, nhưng bản thân sự ra đời Phật

giáo là kết quả của quá trình đấu tranh phản kháng đạo đức tôn giáo Bà la môn, và phản kháng chống sự phân biệt đẳng cấp hà khắc của xã hội Ấn Độ thế kỉ VII, VI trước CN. Do vậy, tôn giáo xuất thế của Phật giáo lại chứa đựng trong nội tại hệ thống giáo lí tư tưởng nhân văn tiến bộ, tư tưởng canh tân về đạo đức: từ bi, bác ái, từ thiện, làm lành, lánh ác, trọng lương tâm...

Các bộ Luật kinh A-hàm của Phật giáo Nguyên thủy là một tập kì đại thành những minh họa về đạo lí sống Phật giáo, từ chính sự quốc gia tới việc giữ hoà khí trong gia đình. Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng nhất A-hàm sưu tập những cuộc đàm thoại về triết lí sống giữa đức Phật và các đồ đệ với mọi tầng lớp trong xã hội Ấn Độ. Các cuộc đàm thoại này liên quan tới mọi vấn đề của cuộc sống; thú vị nhất là đối thoại với những người bất hạnh không còn niềm tin, không còn lối thoát trong cuộc sống. Chẳng hạn, trong

^{*}. ThS, Viện Triết học.

Tạp A-hàm quyển 4, kinh 91 bàn về Tứ pháp (bốn điều cơ bản để chuẩn bị cho cuộc sống không vi phạm đạo đức): 1- Phương tiện đầy đủ: tức là có nghề nghiệp tinh thông để đủ tự mưu sinh; 2- Bảo vệ, giữ gìn đầy đủ: tức là phải biết giữ gìn của cải và bản thân cẩn thận để không gây ra mất mát không cần thiết; 3 - Thiện tri thức đầy đủ: là biết chọn bạn tốt, thầy tốt để học hỏi và kết giao, không giao du với côn đồ phóng dãng...; 4 - Chính mệnh đầy đủ: là biết làm chủ những hành động của bản thân để vừa có lợi cho gia đình vừa có lợi cho xã hội. Trong kinh Thiện sinh thuộc bộ Trường A-hàm và Trung A-hàm có ghi lời dạy của đức Phật về đạo lí cá nhân đối với cha mẹ, vợ con, anh em, bạn bè, chủ tớ, tín đồ và giáo chủ (sư phụ). Đó là bài luân lí “Lục phương lễ,” khuyên dạy con người phải có đức độ vị tha, bác ái, từ bi, hỉ xả với mọi người trong tất cả các phương (quan hệ) đúng thì mới giữ được đức độ của bản thân. Trong Trường A-hàm, Du hành kinh, đức Phật giảng về bảy pháp với Vũ Đế đại thân và bàn tới mười đức (thập đức) của một vị vua: 1- Liêm thứ khoan dung; 2- Tiếp thu sự can gián của quần thần; 3 - Thường ban ân huệ và vui cùng với dân; 4- Thu của cải đúng pháp luật; 5 - Không tham vợ người khác; 6 - Không uống rượu; 7 - Không ham thú vui ca múa; 8 - Theo đúng luật pháp mà không làm điều thiên tử; 9 - Không tranh chấp với quần thần; 10 - Thân thể phải khoẻ mạnh.

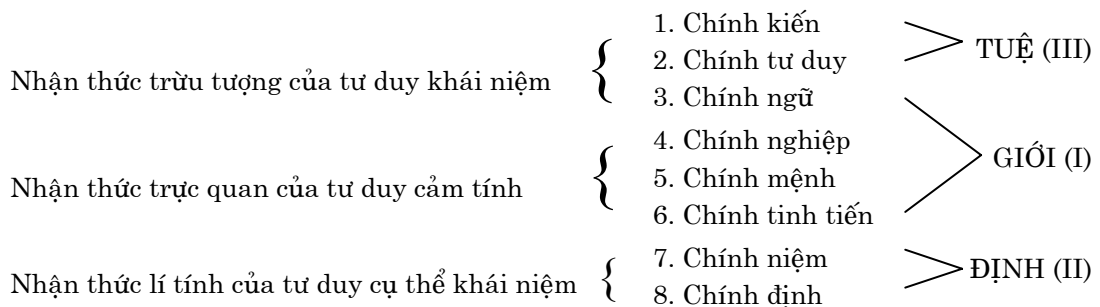
Những bài học luân lí như vậy đã được dân tộc ta tiếp thu, từ những ngày đầu du nhập Phật giáo, và nhất là trong thời kì Lý - Trần, khi Phật giáo được tôn làm quốc giáo, coi là đạo đức chính thống. Trong thời kì này, nhà chùa được mở cửa như trường học đào tạo con em các gia đình Phật tử. Một số vị cao tăng được phong làm Quốc Sư (thầy của cả nước), và nhiều vị vua cũng đã tự xưng là con Phật (Phật tử). Có vị vua đã từ bỏ cả ngai vàng để đi tu... Điều quan trọng là đạo lí Phật giáo đã góp phần tích cực giải quyết những nhiệm vụ thời đại của giai đoạn đó, đã tập trung được sức người, sức của và tinh thần của cả dân tộc để bảo vệ tổ quốc, đánh thắng ngoại xâm, oanh liệt nhất là kì tích ba lần đánh thắng quân Nguyên - Mông trong thế kỉ XIII. Những chuẩn mực đạo đức Phật giáo, cho đến ngày nay vẫn là những tham khảo có giá trị đối với môn đạo đức học Việt Nam, đồng thời góp phần làm rõ thêm sức sống của đạo đức Phật giáo trong con người Việt Nam truyền thống và hiện đại.

Đạo đức Phật giáo là đạo đức *vô thân*, với xuất phát điểm của hệ thống là nhận thức đầy đủ về khổ: **Khổ đế** (định nghĩa khổ là gì) và **Tập đế** (hệ thống các nguyên nhân gây ra khổ có tính phổ quát thể hiện trong *Thập nhị nhân duyên*); vận động của hệ thống là lí thuyết và thực hành diệt khổ: **Diệt đế** (diệt tận gốc nguyên nhân gây ra khổ là diệt ái dục); và mục đích của hệ thống là: **Đạo đế** (con đường

đúng đắn để đạt tới giải thoát, tới Niết Bàn bằng Bát chính đạo). Đạo đức Phật giáo với hòn đá tảng là tứ diệu đế, nhất quán trong toàn bộ hệ thống giáo lý, khẳng định con người không phải run sợ trước bất kì uy quyền thiêng liêng (siêu nhân) nào. Phật giáo cho rằng về bản chất tự nhiên con người vốn bình đẳng. Chuẩn mực “thiện” và “ác” không phải của riêng ai, của riêng đẳng cấp nào. Tính “thiện” vốn tồn tại tự nó trong mỗi người. Quá trình tu tập là quá trình thực sự trở lại với cái mình vốn có. Tư tưởng nhân đạo này đã có ngay trong Phật giáo Tiểu thừa, và được phát triển thành phạm trù “Phật tại tâm” ở Phật giáo Đại Thừa, thừa nhận ai cũng có quyền tu dưỡng, phấn đấu và đều có thể đạt tới quả vị hoàn hảo. Phật giáo tuyên bố đau khổ hay hạnh phúc là hậu quả trực tiếp hay gián tiếp do hành

động thiện hay ác mà chính mình gây ra chứ không do thần thánh hay quỷ thần nào.

Cốt lõi của đạo đức Phật giáo là **giới, định, tuệ** trong Bát chính đạo (Đạo đế). Bát chính đạo là tám phương pháp thực hành kết hợp ý thức với hành động đúng đắn. Khái niệm “chính” cho thấy rõ vai trò định hướng giá trị đạo đức Phật giáo. Các cấp độ tu dưỡng được tổ chức theo lược đồ của quá trình hoạt động nhận thức: từ nhận thức trừu tượng của tư duy khái niệm (1. Chính kiến; 2. Chính tư duy; 3. Chính ngữ), tới nhận thức trực quan của tư duy cảm tính (4. Chính nghiệp; 5. Chính mệnh; 6. Chính tinh tiến), và đỉnh cao là đạt tới tư duy cụ thể khái niệm (7. Chính niệm; 8. Chính định). Đồng thời đây cũng là lược đồ của quá trình tâm lý từ cảm nhận đến tự giác:



Giới, định, tuệ là vòng xoáy tròn ốc liên tục của quá trình học đi đôi với hành, có thể tạm chia thành ba mức độ. Bước một, khởi đầu Tuệ là phá tà kiến. Tuệ bước đầu là nhận thức đúng và hiểu đúng nguyên nhân của “khổ”

là do chính bản thân còn chìm đắm trong “vô minh”, “vọng tưởng” nên “dục” đã dắt dẫn con người trong vòng nhân quả của *nghiệp*, do vậy sẽ mãi mãi luân chuyển trong vòng luân hồi vô tận của “khổ”.

Bước thứ hai là thực hành các giới luật đạo đức. Khi đã có nhận thức đúng đắn thì mọi hành vi đạo đức phải nhất quán hướng thiện. Giới được cụ thể hoá khá chi tiết cho giới xuất gia và cả tại gia. “Ngũ giới” quy định không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu, không vọng ngôn; hay “Thập giới” gồm mười giới luật chi tiết: - ba nghiệp ác của thân như không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; - bốn nghiệp ác của khẩu như không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời độc ác, không nói thêu dệt; và - ba nghiệp ác của ý là không tham dục, không ghen ghét thù hận, không tà kiến (bất phân đúng sai); hay “Lục hoà”, tức là: thân hoà đồng trụ (chung sống), khẩu hoà vô tránh (lời nói ôn hoà), ý hoà đồng duyệt (thông cảm, chia sẻ với mọi cảnh ngộ), giới hoà đồng tu (cùng nhau giữ giới luật trong tu dưỡng), kiến hoà đồng giải (cùng nhau học hỏi tiến bộ), lợi hoà đồng quân (quyền lợi chia đều cùng hưởng); hoặc sáu giới tu hành của Phật tử tại gia là “Lục độ” gồm: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiên định, trí tuệ.

Bước thứ ba là thực hành định. Thiên định là phương pháp tu tập để điều thân, điều tâm, khiến cho tinh thần tập trung hướng nội (nội quán) mà quy về an tịnh, không vọng động. Rèn luyện thiên định cho con người khả năng phản tư hướng nội, tự giác làm chủ được cảm xúc, tình cảm của

bản thân. Qua thiên định, con người dùng ý chí (chính niệm và chính định) kiểm tra các phản xạ tình cảm tự nhiên của bản thân, dần dần vượt lên trên tư duy suy lí, đạt được trực giác. Đỉnh cao của tu dưỡng cũng là Tuệ (Giác Ngộ). Đây chính là điểm ưu trội mà Phật giáo đã phát huy thế mạnh để trường tồn trong lịch sử và để chuyển sang giai đoạn Đại Thừa rực rỡ. Điển hình của đạo đức Phật giáo Đại Thừa là các vị Bồ tát với những hành vi cứu độ chúng sinh vô tư không còn bị ràng buộc bởi những chuẩn mực đạo đức thông thường.

Đạo đức Phật giáo là vô thần và có tính nhân đạo cao siêu, song vẫn bị hạn chế bởi lập trường tôn giáo. Đó là thái độ chấp nhận chứ không phải là thái độ cải tạo thế giới. Đạo đức Phật giáo là đạo đức phi hành động, phi giai cấp, phi lịch sử. Phật giáo coi xã hội chỉ là một tập hợp những cá nhân khác nhau về đạo đức, nhưng không loại trừ nhau về giai cấp, đẳng cấp. Phật giáo không quan niệm con người như sự tồn tại của các thành viên của một quan hệ sản xuất, quan hệ kinh tế hay chính trị v, v... mà chỉ đơn thuần trong quan hệ đạo đức thiện - ác. Các chương trình xã hội của Phật giáo không phải là cải tạo điều kiện sống mà chỉ cố san bằng lại xã hội bằng đạo đức, trong xã hội đó ai cũng từ bi, bác ái, hỉ xả, nhẫn nhục...

Đạo đức Phật giáo phát triển nhưng chỉ là đạo đức cá nhân chứ

chưa đạt tới đạo đức xã hội. Đạo đức Phật giáo tách dục vọng của con người ra khỏi điều kiện thực tiễn của con người xã hội. Đạo đức xuất thế của Phật giáo là chạy trốn nhu cầu bản năng chứ không tìm cách bắt thế giới khách quan phải phục tùng và thoả mãn nhu cầu tự nhiên của con người. Đạo đức Phật giáo bị giảm mất tính nhân đạo bởi chính thái độ từ chối dục vọng, khi những nhu cầu thể xác bị coi là trần tục, là kém đạo đức. Điển hình đạo đức Phật giáo là những con người đã từ bỏ được nhu cầu tự nhiên của thể xác, đã vượt qua được giới hạn bản năng tự nhiên, “không bắt mãn với điều kiện không ưa” (kinh Pháp cú, câu 412); nhưng không phải vượt qua bằng hành động mà là thủ tiêu hành động tới mức “không tức giận, chịu đựng lời khiển trách, roi vọt và hình phạt” (kinh Pháp cú, câu 399)... Song định hướng *hướng nội* nhất quán của đạo đức Phật giáo đã hợp lí hoá được phần nào cuộc chạy trốn nhu cầu bản năng thành sức mạnh *chế ngự bản năng* trong quá trình tu dưỡng cá nhân.

Sự khác nhau căn bản giữa mô hình lí tưởng nhân đạo của Phật giáo và chủ nghĩa Cộng sản là: một bên thì duy tâm, còn bên kia thì duy vật; một bên thì phải diệt dục triệt để bằng ý chí vì coi dục là căn nguyên của mọi tội lỗi, bên kia thì cố gắng thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng về vật chất và tinh thần của con người bằng lao

động năng suất và chất lượng cao nhằm cải tạo thế giới và coi đó là tiêu chuẩn đánh giá tính nhân đạo thực sự tiến bộ của xã hội; một bên thì hứa hẹn một mô hình Niết Bàn bình đẳng, tự do cho tất cả mọi người từ bị bác ái như nhau, không còn bị ràng buộc bởi các nhu cầu trần tục, còn bên kia thì khẳng định mô hình lí tưởng cho mọi người lao động, coi lao động là nhu cầu sống chứ không còn là phương tiện sống, lao động không còn là nguồn gốc của khổ đau, qua lao động con người hoàn thiện bản thân và hoàn thiện cả xã hội.

Cái riêng đặc trưng của Phật giáo là hệ lí thuyết về con người *hướng nội*. Đặc trưng hướng nội của Phật giáo rất phát triển về nhân sinh quan, đạo đức, tâm lí. Song cũng do đặc trưng hướng nội mà chính trị quan, kinh tế quan... lại có nhiều hạn chế, ngây thơ, giản đơn.

Chuẩn mực nhân cách cần và đủ để bước vào thế kỉ thứ XXI đòi hỏi phải hoàn thiện cả về thể xác lẫn tinh thần, phải có đủ khả năng chinh phục cả thế giới khách quan lẫn *thế giới nội tâm*. Đạo đức thế kỉ XXI sẽ có thể khai thác sự đóng góp tích cực của Phật giáo để xây dựng đạo đức nhân văn hoàn thiện hơn, tự giác cao hơn, vì sang thế kỉ XXI, cuộc đấu tranh thiện-ác sẽ tinh vi hơn khi trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại dễ dàng thoả mãn ác dục một cách “sạch sẽ” hơn, cũng do vậy nguy cơ gây tội ác sẽ

khủng khiếp hơn, và người gây tội ác khó phản tỉnh hơn...

Khai thác hạt nhân hợp lí và tích cực của đạo đức Phật giáo nhằm mục đích chiến lược xây dựng nhân cách con người Việt Nam phải là một chương trình tự giác, kết hợp giáo dục tổng hợp xã hội - nhà trường - gia đình - bản thân cá nhân, đây là sự kết hợp tích cực và tự giác cả truyền thống và hiện đại.

Hiện nay ở nước ta, Phật giáo không còn ở vị trí chính thống, nhà trường không có chương trình giảng dạy lịch sử, triết lí và đạo đức Phật giáo một cách hệ thống, và số gia đình Phật tử cũng không nhiều. Những người đi chùa hầu hết không có đủ tri thức về Phật giáo cho nên khó có thể giáo dục đạo đức Phật giáo một cách tự giác và tích cực trong xã hội và gia đình. Phật giáo bác học ngày nay cũng mai một ít nhiều, không còn phát huy vai trò hướng đạo. Các cao tăng, chư cư sĩ chưa phát huy được vai trò của họ trong công việc giáo dục, xây dựng nhân cách con người Việt Nam. Chẳng hạn, các buổi giảng kinh, đàm đạo, các khoá lễ trên chùa chưa được tổ chức theo tinh thần hướng đạo khai thác những tinh túy đạo lí của Phật giáo với mục đích nâng cao trí dục, mà đây đó còn chiều theo thị hiếu: cầu an, giải hạn, cầu may, cầu lộc... của giới bình dân. Phật giáo bình dân cũng bị sa sút. Người dân nhật nhạp một cách tự phát triết lí sống Phật giáo khi cần thiết

phải tự giải quyết những vấn đề cuộc sống nội tâm, tâm linh... song họ thường không ý thức được giá trị tích cực đích thực của đạo đức Phật giáo mà lại vô tình để cho những ham muốn giản đơn hướng đạo. Đa số bình dân lên chùa không phải để tu dưỡng, để thanh thản tự phản tư về thiện, ác... mà lên chùa để đua chen cầu xin Phật, La Hán, Bồ tát ban lộc để được hơn người, che chở để thoát được những phiền toái... Số người đi chùa những năm gần đây ngày càng đông, song xem ra ý thức cầu thiện, cầu thanh về nội tâm còn quá ít so với những mong muốn tư lợi theo “dục vọng” tầm thường. Tại gia đình, những lễ nghi sinh hoạt có phần liên quan tới Phật giáo như lập bàn thờ Phật, thờ Bồ tát, ăn chay, tụng kinh, khấn vái... chủ yếu nhằm thoả mãn nhu cầu tâm linh mang tính tôn giáo chứ chưa được thực hiện với mục đích giáo dục những phẩm chất ưu trội về nhân bản của Phật giáo.

Song không hẳn vì thiếu sự tổ chức tự giác của các hoạt động giáo dục mà đạo đức Phật giáo không có vai trò gì trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam. Đặc trưng *nhân đạo* của đạo đức Phật giáo vẫn phát huy được tính ưu trội một cách thâm kín qua nhiều mạch ngầm văn hoá như văn học, nghệ thuật, phong tục, truyền thống, triết lí dân gian... để ghi lại trong đặc trưng tính cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại. /.